

# CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGÂN MINH CƯỜNG

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGÂN MINH CƯỜNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NGÂN MINH CUONG CONSTRUCTION AND TRADE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NGÂN MINH CUONG CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 2400771480

3. Ngày thành lập: 01/10/2015

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 04, ngõ 26, tổ dân phố mới, Phường Thọ Xương, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0976 737 121

Fax:

Email: [tcxuanquong82@gmail.com](mailto:tcxuanquong82@gmail.com)

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                            | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                          | 2599     |
| 2.  | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                         | 2220     |
| 3.  | Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh                                                          | 2310     |
| 4.  | Sản xuất sản phẩm chịu lửa                                                                           | 2391     |
| 5.  | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                | 2392     |
| 6.  | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác                                                                        | 2393     |
| 7.  | Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá                                                                        | 2396     |
| 8.  | Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu                            | 2399     |
| 9.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                         | 2592     |
| 10. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                              | 1622     |
| 11. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                              | 1623     |
| 12. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện             | 1629     |
| 13. | In ấn                                                                                                | 1811     |
| 14. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                             | 1812     |
| 15. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                              | 4663     |
| 16. | Bán buôn tổng hợp                                                                                    | 4690     |
| 17. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752     |

|     |                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 18. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 19. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                   | 4100        |
| 20. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                               | 4210        |
| 21. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                            | 4220        |
| 22. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4290(Chính) |
| 23. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311        |
| 24. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312        |
| 25. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321        |
| 26. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                         | 4322        |
| 27. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                          | 4329        |
| 28. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                          | 4330        |
| 29. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                     | 4390        |
| 30. | Đại lý, môi giới, đấu giá                                                                                                                                               | 4610        |
| 31. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                    | 4641        |
| 32. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                      | 4649        |
| 33. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                         | 4659        |
| 34. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                | 4773        |
| 35. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                     | 4931        |
| 36. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                        | 4932        |
| 37. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                          | 4933        |
| 38. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu                                                                                                 | 8299        |
| 39. | Quảng cáo                                                                                                                                                               | 7310        |
| 40. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                          | 7410        |
| 41. | Hoạt động nhiếp ảnh                                                                                                                                                     | 7420        |
| 42. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                                                                     | 7730        |
| 43. | Bán buôn sắt, thép                                                                                                                                                      | 46622       |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: DUỖNG XUÂN CƯỜNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 17/06/1982 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121428287

Ngày cấp: 04/05/2015

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố mới, số nhà 04, ngõ 26, Phường Thọ Xương, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ dân phố mới, số nhà 04, ngõ 26, Phường Thọ Xương, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: DUỖNG XUÂN CƯỜNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 17/06/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121428287

Ngày cấp: 04/05/2015

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Tổ dân phố mới, số nhà 04, ngõ 26, Phường Thọ Xương, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Tổ dân phố mới, số nhà 04, ngõ 26, Phường Thọ Xương, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

## 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang